TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA VÌ – TP.HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **211**/2025/QĐST-HNGĐ

Ba Vì, ngày 29 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ khoản 4 Điều 397, khoản 1 Điều 212, Điều 213, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 169/2025/TLST-VDS ngày 15 tháng 5 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

- Anh Lê Văn L, sinh năm 1989
- Chị Ngô Thị B, sinh năm 1996

Cùng địa chỉ: Thôn TH, xã TH, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 21/5/2025, Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã tiến hành lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn với nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn L và chị Ngô Thị B đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cùng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh L và chị B đều trình bày có 02 con chung là Lê Thị Kiều T, sinh ngày 23/02/2011 và Lê Xuân B1, sinh ngày 22/6/2015. Hiện hai cháu đang ở cùng mẹ. Khi ly hôn anh L và chị B thống nhất giao cho chị B được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu T và B1 đến đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 5/2025 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh L được quyền qua lại, chăm sóc, thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Anh L và chị B đều trình bày không có.

[4] Về lệ phí: Anh Lê Văn L tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn L và chị Ngô Thị B.

- *Về con chung*: có 02 con chung là Lê Thị Kiều T, sinh ngày 23/02/2011 và Lê Xuân B1, sinh ngày 22/6/2015. Giao cho chị B được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu T và B1 đến đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 5/2025 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh L được quyền qua lại, chăm sóc, thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- *Về tài sản chung, công sức, nợ chung:* Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện anh Lê Văn L có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình. Anh Lê Văn L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0041314 ngày 15/5/2025 tại Chi cục Thi hành án huyện Ba Vì, nay được đối trừ vào số tiền mà anh Lê Văn L phải nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự.*
- *TANDTP Hà Nội.*
- *VKS huyện Ba Vì.*
- *UBND xã TH.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Đỗ Duy Liệu